

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21/CN-CNHT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020

V/v đăng ký tham gia Chương  
trình phát triển công nghiệp hỗ trợ  
năm 2021

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

Kính gửi: Sở Công Thương Trà Vinh

**ĐẾN** Số: 678  
Ngày: 05/02/2020

Chuyển:

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển Công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Triển khai thực hiện Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025, Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương trân trọng thông báo về Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Mục tiêu chính của Chương trình là tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc các lĩnh vực chủ yếu bao gồm lĩnh vực linh kiện phụ tùng điện tử, ô tô, dệt may – da giày và công nghiệp công nghệ cao thông qua các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất; hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm; công tác truyền thông, phổ biến thông tin về hoạt động công nghiệp hỗ trợ.

Cục Công nghiệp kính đề nghị Quý đơn vị phổ biến thông tin về Chương trình rộng rãi đến các đơn vị, tổ chức quan tâm và mong muốn tham gia Chương trình.

*(Chi tiết hướng dẫn tại Phụ lục đính kèm Công văn này)*

Hồ sơ đăng ký đề án gửi về Cục Công nghiệp trước ngày 31 tháng 3 năm 2020 và bản mềm gửi về địa chỉ email: [deancnht@gmail.com](mailto:deancnht@gmail.com)

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Cục Công nghiệp – Bộ Công Thương

Địa chỉ: tầng 4, số 23 Ngô Quyền, P.Tràng Tiền, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0981.795.094

Email: [linhngtm@moit.gov.vn](mailto:linhngtm@moit.gov.vn)

Hoặc liên hệ: Ông Lê Văn Khôi – 0945.245.279 – [khoilv@moit.gov.vn](mailto:khoilv@moit.gov.vn)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Thắng Hải (để b/c);
- Cục Trưởng Cục Cn (để b/c);
- Các Bộ, ngành liên quan;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- SCT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Hiệp hội ngành nghề;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng;
- Các Viện nghiên cứu;
- Công TTĐT Bộ Công Thương;
- Công TTĐT Cục Công nghiệp;
- Trang TTĐT Công nghiệp hỗ trợ;
- Lưu: VT, CNHT (02).

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Tuấn Anh**

## PHỤ LỤC

### Hướng dẫn đăng ký đề án

#### thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021

**1. Về thủ tục hồ sơ đề án:** Đề nghị đơn vị xây dựng hồ sơ đề án theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 4572/QĐ-BCT ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế xây dựng, tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (Biểu mẫu B01-CNHT, B02-CNHT, B03-CNHT, B04-CNHT, B05-CNHT và tham khảo điều 8 của Quyết định).

**2. Về nội dung thuyết minh đề án:** Đề nghị đơn vị lựa chọn, xây dựng nội dung đề án theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ và định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ, chiến lược, quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, ngành, địa phương đã được Chính phủ phê duyệt; đảm bảo tính khả thi và phù hợp với năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của Đơn vị.

**3. Về dự toán chi tiết đề án** (Yêu cầu tại mục 18.2, phần IV, biểu B02-CNHT của QĐ số 4572/QĐ-BCT): Đề nghị đơn vị lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo đúng quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (lập theo biểu mẫu đính kèm). Đồng thời, điền đầy đủ thông tin phân bổ kinh phí đề án theo Phụ lục II của Quyết định 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (đính kèm công văn này).

TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN

**PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ**  
**Đề án "....."**  
**Thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021**

Đơn vị tính: đồng (VND)

STT	Nội dung công việc	Cơ sở tính	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng kinh phí đề án	Kinh phí đề nghị NSNN hỗ trợ	Kinh phí doanh nghiệp đóng góp và các nguồn khác
	(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)	(7) = (6)*tỷ lệ hỗ trợ	(8) = (6) - (7)
<b>I</b>	<b>CÔNG LAO ĐỘNG</b>	Ghi rõ điểm, khoản, điều, mục của Thông tư áp dụng (TTLT số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)							
<b>1</b>	<b>Công việc 1:...</b>								
<b>1.1</b>	<i>Tên công việc</i> Chủ nhiệm đề án Thành viên thực hiện chính		ngày						
<b>1.2</b>	<i>Tên công việc</i> Chủ nhiệm đề án Thành viên thực hiện chính		ngày						
<b>2</b>	<b>Công việc 2:...</b>								
<b>2.1</b>	...								
<b>2.2</b>	...								
<b>II</b>	...								
<b>1</b>	...								
<b>2</b>	...								
<b>III</b>	...								
...	...								
...	...								
<b>VIII</b>	<b>CHI KHÁC</b>								
<b>1</b>	Kinh phí quản lý đề án (tối đa 3% tổng kinh phí thực hiện đề án)	Khoản 2, điều 11, Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018							
<b>2</b>	...								
<b>3</b>	<i>Chi khác</i>								
	<b>Tổng cộng</b>						<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Bằng chữ: ..... đồng./.

(H) (K) (G) (H)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

"Tên đề án"

Thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021

đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	2021 - 2025 (QĐ 68)				
		ĐVT	SỐ LƯỢNG	NSNN	ĐỐI ƯNG	Thành tiền
<b>I. Kết nối hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ</b>				120.090	21.194	141.284
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm soát chất lượng cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	1.200	1.889	333	2.222
2	Tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	6	25.482	4.497	29.979
3	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Khóa đào tạo	60	12.713	2.243	14.956
4	Lựa chọn và công nhận các doanh nghiệp có trình độ và quy mô đáp ứng yêu cầu quốc tế	Doanh nghiệp	1.200	8.360	1.475	9.835
5	Tổ chức các diễn đàn giữa doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam với các doanh nghiệp trong và ngoài nước	Doanh nghiệp	300	2.361	417	2.778
6	Xây dựng và tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	10	17.472	3.083	20.555
7	Tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	450	9.444	1.667	11.111
8	Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	130	9.444	1.667	11.111
9	Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ.	Chương trình	4	765	135	900
10	Tổ chức hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	10	7.650	1.350	9.000
11	Hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Hội thảo	22	944	167	1.111
12	Hỗ trợ tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước	Chương trình	9	689	122	811
13	Xúc tiến thị trường nước ngoài, tham gia chuỗi sản xuất (6 chuyên/năm, mỗi chuyên 20 người, 5 ngày)	Hội thảo	9	17.456	3.081	20.537
14	Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	90	5.421	957	6.378
<b>II. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất</b>				135.009	23.825	158.834
1	Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp	Doanh nghiệp	150	11.353	2.003	13.356
2	Xây dựng kế hoạch, biên dịch, biên soạn tài liệu về quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất để đào tạo cho các doanh nghiệp	Chương trình	10	7.948	1.403	9.351
3	Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp	Chương trình	9	11.560	2.040	13.600
4	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất	Chương trình	9	100.773	17.783	118.556

2021 (THUYẾT MINH)				GHI CHÚ
ĐVT	SỐ LƯỢNG	NSNN	ĐỐI ƯNG	
		0	0	
Doanh nghiệp				
Chương trình				
Khóa đào tạo				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Chương trình				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Chương trình				
Chương trình				
Hội thảo				
Chương trình				
Hội thảo				
Doanh nghiệp		0	0	
Doanh nghiệp				
Chương trình				
Chương trình				
Chương trình				

5	Tổ chức đánh giá công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất	Chuyên	6	3.375	596	3.971
<b>III. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ</b>				<b>102.761</b>	<b>18.134</b>	<b>120.895</b>
1	Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.	Doanh nghiệp	500	7.203	1.271	8.474
2	Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước	Chương trình	4	1.417	250	1.667
3	Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	4	1.417	250	1.667
4	Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại	Khóa đào tạo	40	23.139	4.083	27.222
5	Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại	Chương trình	110	59.028	10.417	69.445
6	Chi phí mời chuyên gia nước ngoài	Người	10	10.557	1.863	12.420
<b>IV. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu</b>				<b>459.574</b>	<b>82.862</b>	<b>542.436</b>
1	Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	90	7.013	1.238	8.251
2	Xây dựng và công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế	Chương trình	4	0	0	0
3	Kết nối chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước	Chương trình	90	2.880	508	3.388
4	Hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	50	92.574	16.336	108.910
5	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm	Doanh nghiệp	50	92.574	16.336	108.910
6	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ	Doanh nghiệp	130	9.798	1.729	11.527
7	Hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền, sáng chế, phần mềm	Doanh nghiệp	130	25.500	4.497	29.997
8	Hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia nước ngoài	Doanh nghiệp	130	28.947	5.108	34.055
9	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực	Doanh nghiệp	130	11.805	2.084	13.889
10	Hỗ trợ các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân đã tự đầu tư nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng vào sản xuất có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế	Doanh nghiệp	30	53.750	11.250	65.000
11	Hỗ trợ mua trang thiết bị chính cho các phòng thử nghiệm để nâng cao năng lực các Trung tâm phát triển công nghệ hỗ trợ theo Đề án do Bộ Công Thương phê duyệt	Trung tâm	3	127.500	22.500	150.000

Chuyên				
		0	0	
Doanh nghiệp				
Chương trình				
Chương trình				
Khóa đào tạo				
Chương trình				
Người				
		0	0	
Chương trình				
Chương trình				
Chương trình				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Doanh nghiệp				
Trung tâm				

12	Hỗ trợ kinh phí một số cơ sở nghiên cứu, ứng dụng hiện có của các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện các nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định 111/2015/NĐ-CP	Chương trình	8	0	0	0
13	Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ	Chương trình	90	7.233	1.276	8.509
<b>V. Xây dựng và vận hành trang thông tin về công nghiệp hỗ trợ</b>				<b>64.888</b>	<b>0</b>	<b>64.888</b>
1	Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp và đóng tàu	Doanh nghiệp	6.000	19.708	0	19.708
2	Mua thông tin dữ liệu cần thiết trong và ngoài nước	Dữ liệu	20	5.000	0	5.000
3	Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách về công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	5	12.680	0	12.680
4	Tổ chức hội thảo hàng năm công bố thông tin về năng lực sản xuất công nghiệp hỗ trợ quốc gia	Hội thảo	2	1.000	0	1.000
5	Duy trì, nâng cấp trang thiết bị, hoạt động của trang thông tin điện tử công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	1	12.500	0	12.500
6	Xuất bản các ấn phẩm và quảng bá về công nghiệp hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng	Ấn phẩm	7.000	14.000	0	14.000
<b>VI</b>	<b>Khác (Chi Phí Quản lý chương trình CNHT)</b>					
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>882.322</b>	<b>146.015</b>	

Chương trình				Gồm nội dung số 12 và 13 mục IV thành 1 nội dung
Chương trình				
		<b>0</b>	<b>0</b>	
Doanh nghiệp				
Dữ liệu				
Chương trình				
Hội thảo				
Chương trình				
Ấn phẩm				
Chương trình				
		<b>0</b>	<b>0</b>	

**Hướng dẫn kê khai:**

- Đơn vị xác định nhóm nhiệm vụ của đề án đơn vị thực hiện là nhóm I - V
- Sau khi xác định nhiệm vụ lớn (từ I-V) thì đơn vị xác định các nhiệm vụ chi tiết mà đơn vị thực hiện theo các nhiệm vụ nhỏ của nội dung I-V
- Căn cứ từng nhiệm vụ chi tiết, đơn vị xác định đề án thực hiện được số lượng là bao nhiêu theo cột "ĐVT"
- Phân bổ kinh phí đề án theo những nội dung nhiệm vụ nhỏ phù hợp mà đơn vị thực hiện
- Điền phần kinh phí tương ứng vào các nhiệm vụ nhỏ vào các cột "NSNN" và "Đối ứng"

**Ví dụ:** 1 đơn vị thực hiện đề án thuộc nhóm II, kinh phí đề án có NSNN hỗ trợ 1 tỷ, đối ứng 500 triệu đồng

- Đơn vị xác định thực hiện nhóm nhiệm vụ II và xác định đề án thực hiện các công việc nhỏ đầy đủ từ 1 đến 5.
- Tại công việc nhỏ số 1, đơn vị xác định đã khảo sát nhu cầu cho bao nhiêu doanh nghiệp? Trên Thuyết minh là bao nhiêu?
- Để thực hiện công việc số 1 đó thì kinh phí thực hiện thuyết minh là 100 tr NSNN và đối ứng 100 triệu đồng.
- Tương tự với các phần công việc nhỏ từ 2-5, đơn vị cũng kê khai như vậy sao cho tổng cộng để thực hiện cả 5 nội dung nhỏ đó là đơn vị đã thực hiện xong 1 tỷ NSNN và 500 tr đối ứng cho đề án này.

